DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số: 10.2023/ QĐ - VPCNCL ngày 09 tháng 01 năm 2023 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm Cáp quang LS**

Laboratory: ***LS Optical Cable Laboratory***

Cơ quan chủ quản: **Công ty TNHH Cáp điện và Hệ thống LS Việt Nam**

Organization: ***LS Cable and System Vietnam Co., Ltd***

Lĩnh vực thử nghiệm: **Điện - Điện tử**

Field of testing: ***Electrical – Electronic***

Người quản lý/ *Laboratory manager:* **Lương Nguyễn Hoàng Huynh**

Người có thẩm quyền ký/ A*pproved signatory:*

TT	Họ và tên/ *Name*	Phạm vi được ký/ *Scope*
1.	***Lương Nguyễn Hoàng Huynh***	Các phép thử được công nhận/*Accredited tests*

Số hiệu/ *Code:* **VILAS 1260**

Hiệu lực công nhận/ *Period of Validation:* **09/01/2026**

Địa chỉ/ *Address*: **KCN Nhơn Trạch 2- Lộc Khang, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai**
Nhon Trach 2- Loc Khang Industrial Zone, Hiep Phuoc Town, Nhon Trach District, Dong Nai Province

Địa điểm/*Location:* **KCN Nhơn Trạch 2- Lộc Khang, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai**
Nhon Trach 2- Loc Khang Industrial Zone, Hiep Phuoc Town, Nhon Trach District, Dong Nai Province

Điện thoại/ *Tel*: **02513 569 140** Fax: **02513 569 148**

E-mail: **huynhlnh@lscv.com.vn** Website: **www.lscv.com.vn**

Lĩnh vực thử nghiệm: Điện – Điện tử

Field of testing: Electrical - Electronic

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
1.	**Cáp quang** ***Optical cable***	Thử khả năng chịu kéo căng. Phương pháp E1 *Tensile strength test. Method E1*	F_{max} = 100 kN	IEC 60794-1-21:2015+AMD1:2020
2.		Thử khả năng chịu nén. Phương pháp E3A *Crush test. Method E3A*	F_{max} = 5 kN	IEC 60794-1-21:2015+AMD1:2020
3.		Thử khả năng chịu va đập. Phương pháp E4 *Impact resistance test. Method E4*	Khối lượng quả nặng tối đa/ *Max. weight*: 3kg Chiều cao va đập tối đa/ *Max. height:* 1 m	IEC 60794-1-21:2015+AMD1:2020
4.		Thử khả năng chịu xoắn. Phương pháp E7 *Torsion test. Method E7*	Góc xoắn tối đa/ *Max. angle*: ± 360º	IEC 60794-1-21:2015+AMD1:2020
5.		Thử khả năng chịu uốn cong. Phương pháp E11A *Bending test. Method E11A*	Góc uốn tối đa/ *Max. angle*: ± 360º	IEC 60794-1-21:2015+AMD1:2020
6.		Thử khả năng chịu thâm nhập nước. Phương pháp F5B *Water penetration test. Method F5B*	Chiều cao cột nước tối đa/ *Max. water height*: 1m Chiều dài mẫu tối đa/ *Max. sample length*: 3m	IEC 60794-1-22:2017
7.		Thử khả năng chịu uốn cong lặp lại. Phương pháp E6 *Repeat bending test. Method E6*	Tải trọng tối đa/*Max weight*: 15 kg Góc uốn/*angle*: -90º ~ +90º	IEC 60794-1-21:2015+AMD1:2020

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
8.		Thử khả năng chịu nhiệt độ môi trường. Phương pháp F1 *Temperature cycling test.* *Method F1*	(-40 ~ 70) °C	IEC 60794-1-22:2017
9.	**Cáp quang** ***Optical cable***	Thử khả năng liên kết chất điền đầy. Phương pháp F16 *Compound flow (drip) test.* *Method F16*	Nhiệt độ/*Temperature range*: (40 ~ 80) °C	IEC 60794-1-22:2017
10.		Kiểm tra hệ số suy hao và điểm suy hao tăng đột biến. Phương pháp C *Measurement of attenuation coefficient and point discontinuity.* *Method C*	256 km	IEC 60793-1-40:2019

Ghi chú / Notes:

- IEC: *International Electrotechnical Commission*